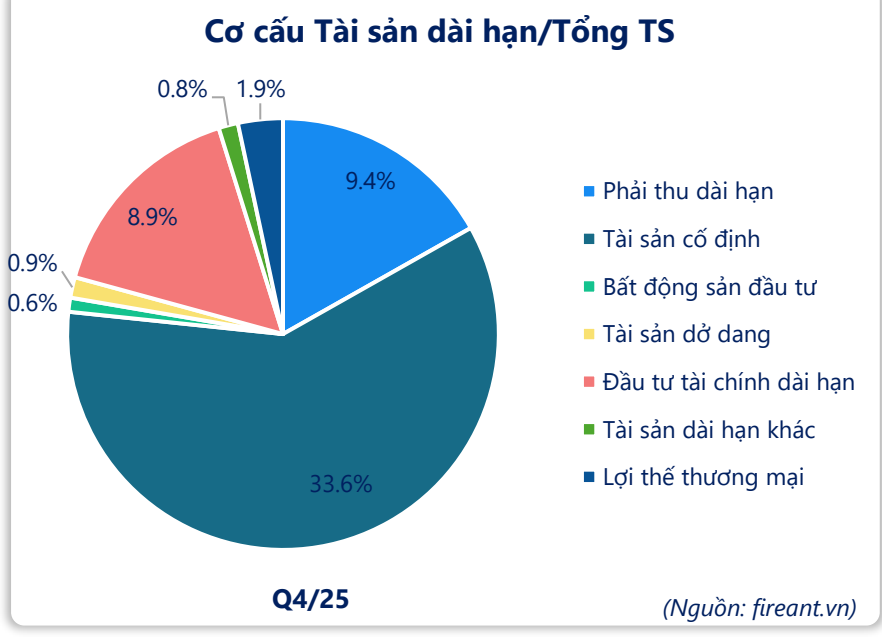
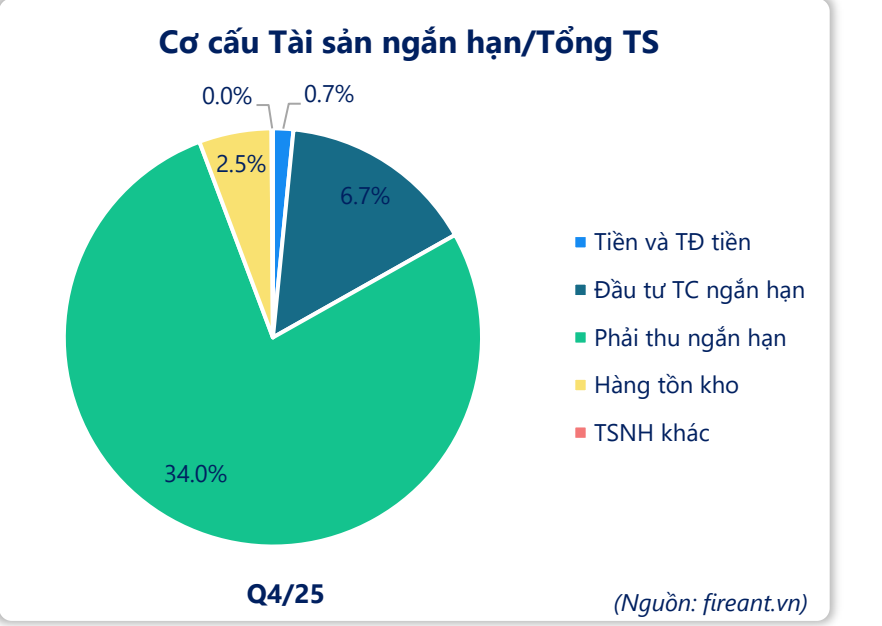
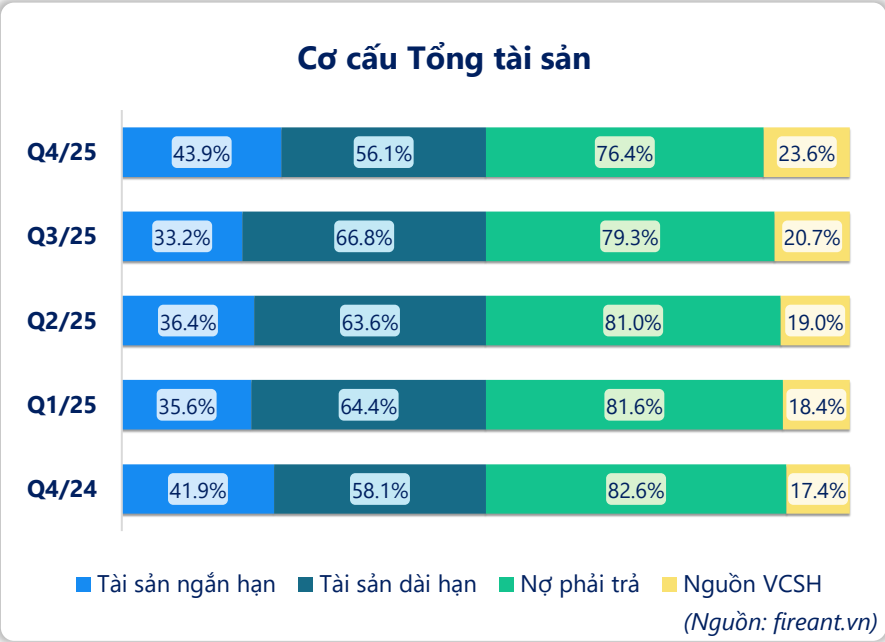
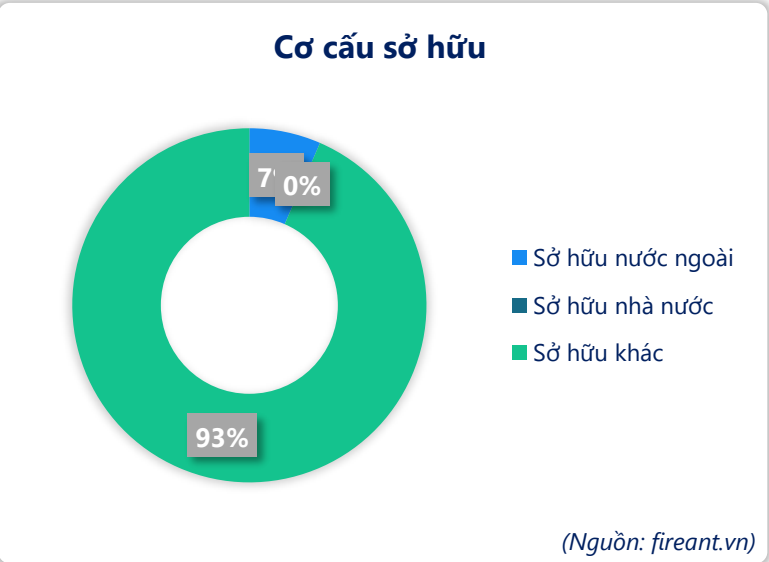
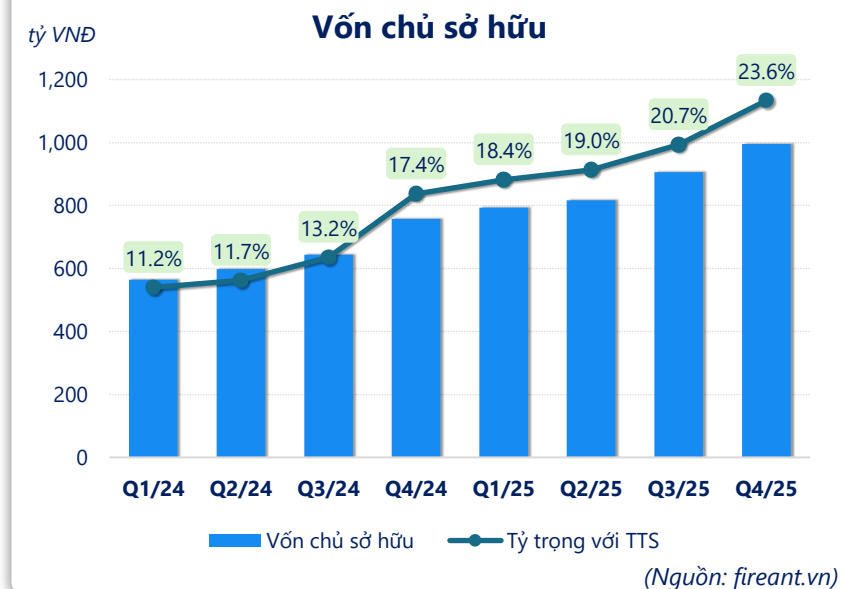
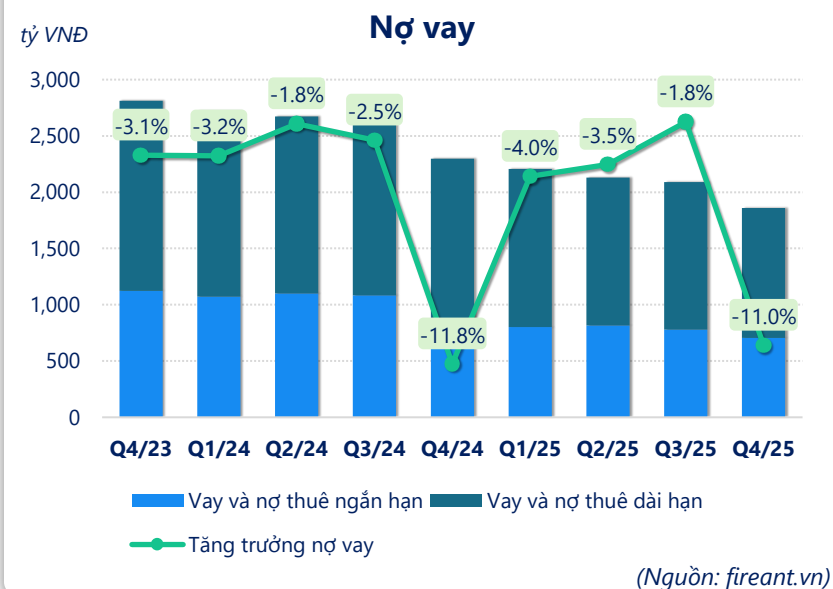
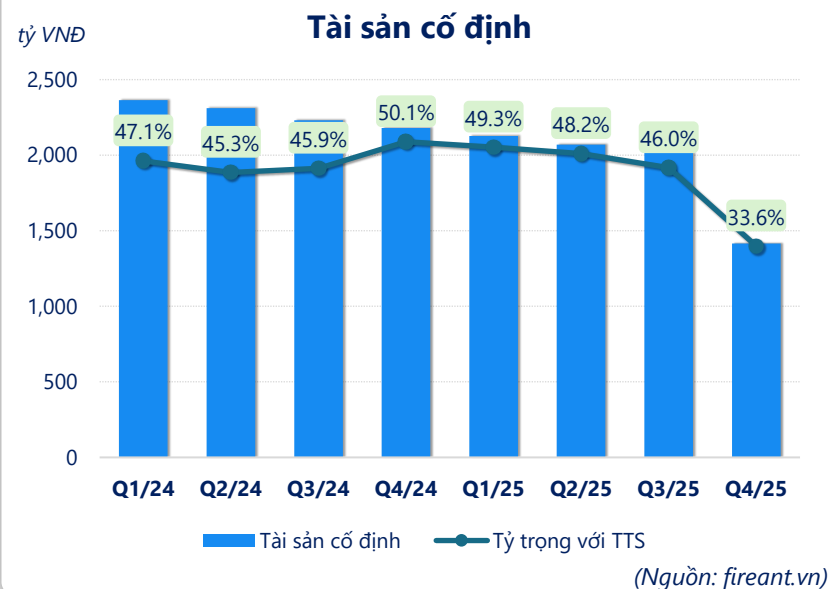
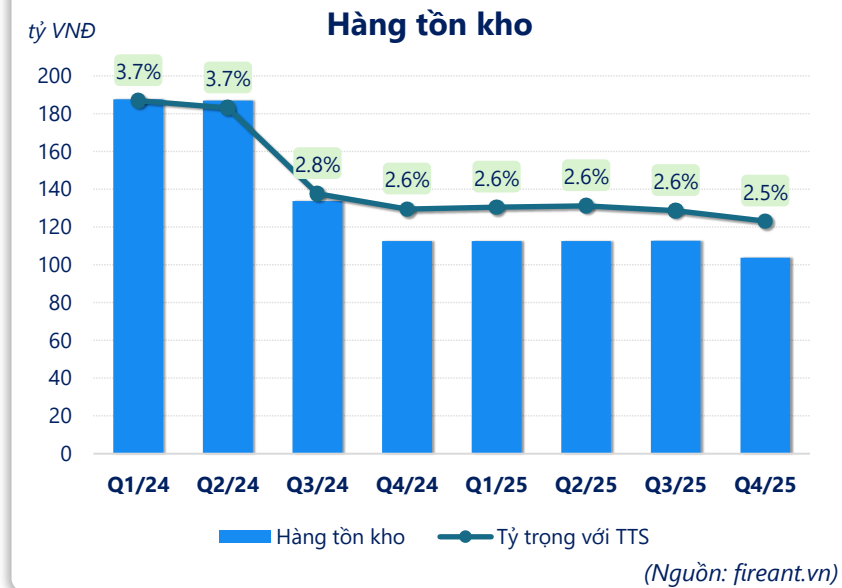
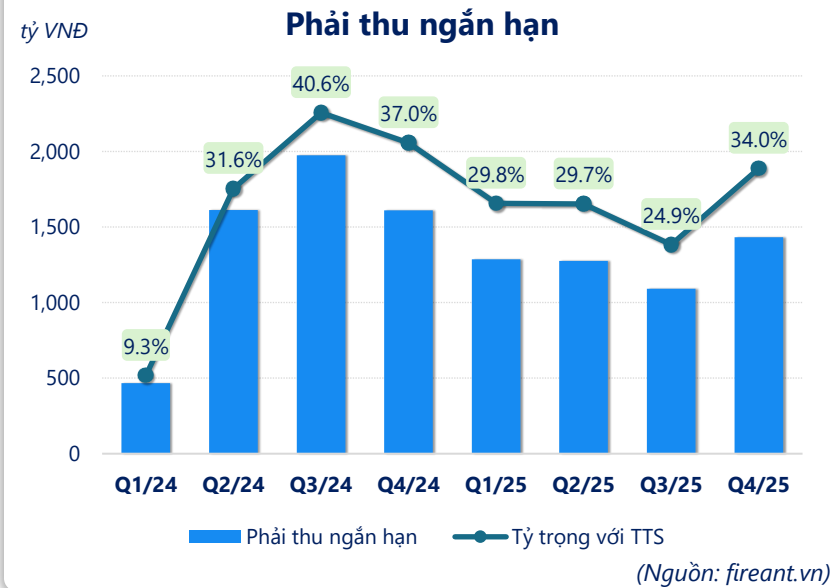
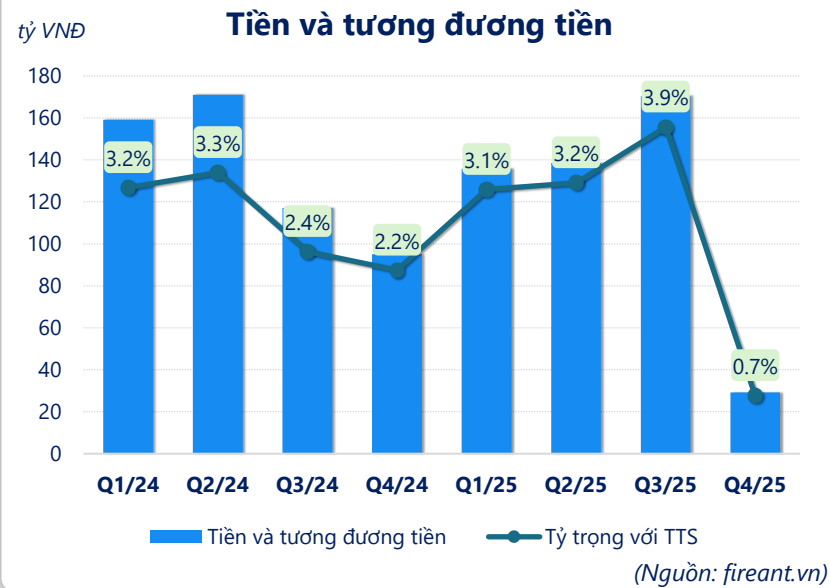
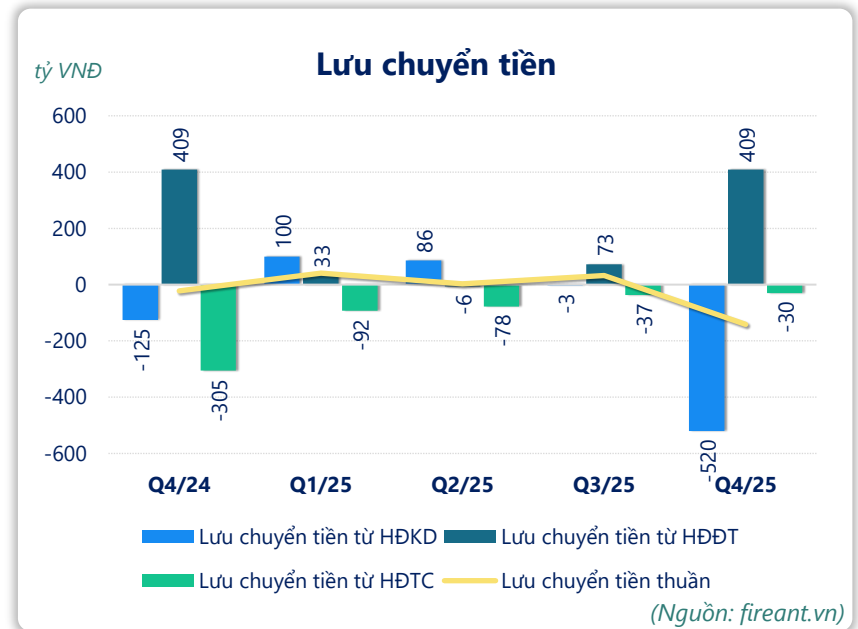
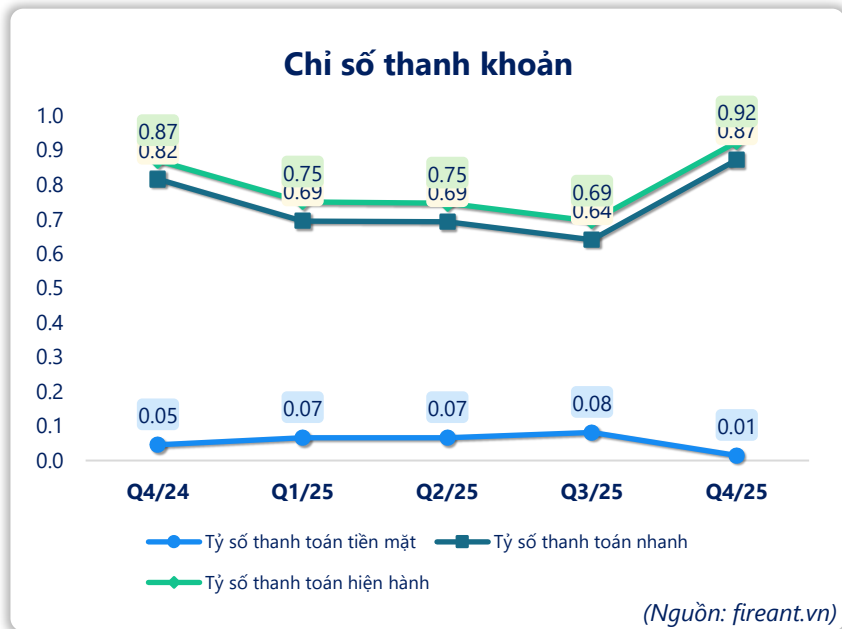
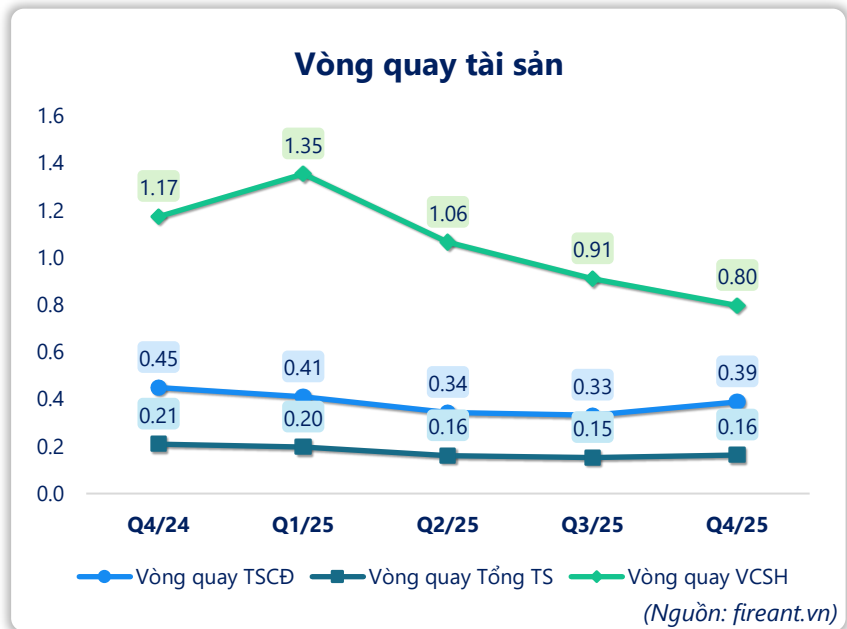
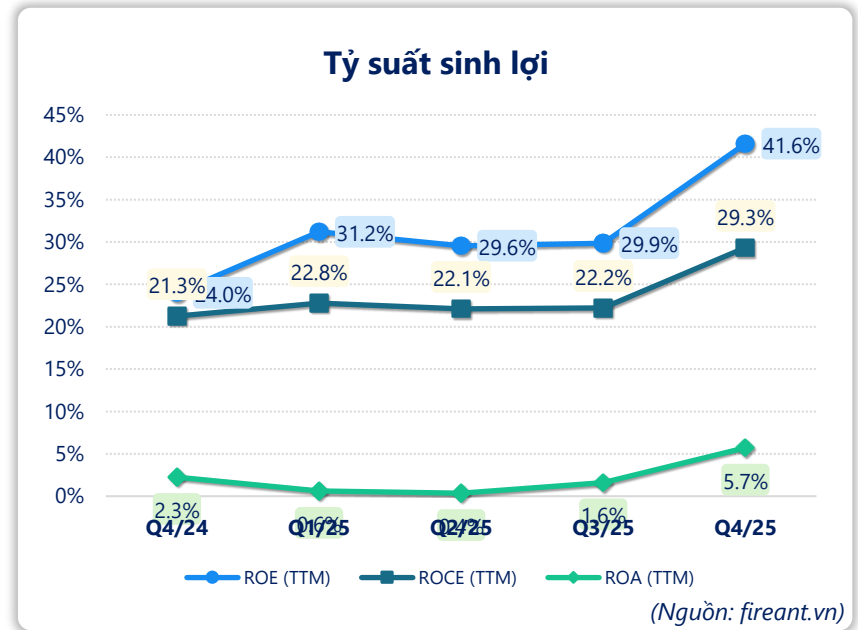
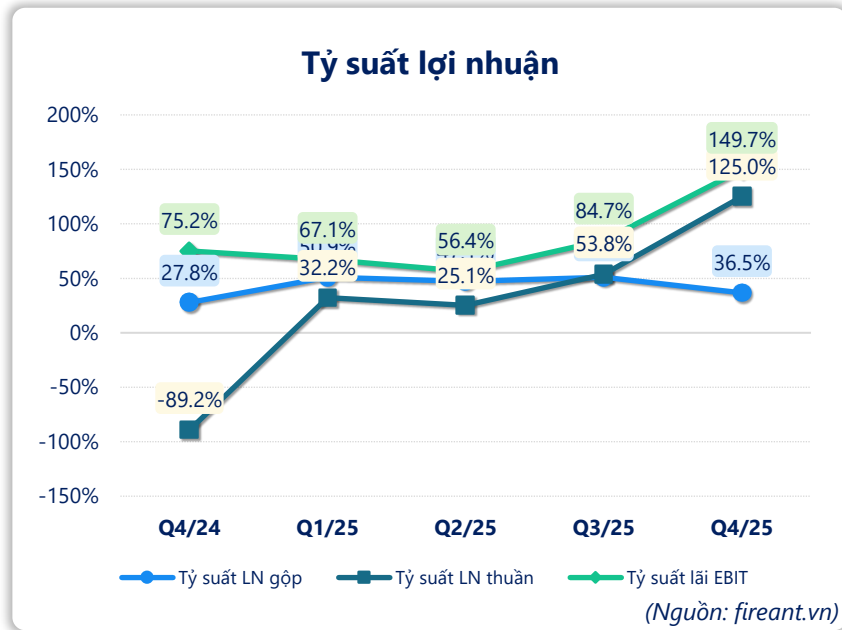
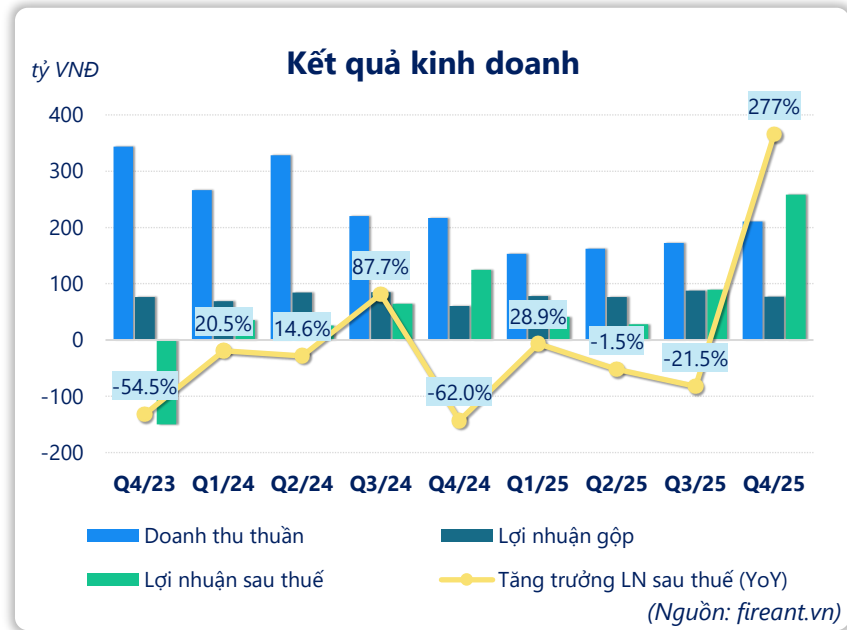


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,660
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		3,720
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,790
SL cổ phiếu LH		299,309,720
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,765,010
% sở hữu nước ngoài		6.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		796
P/E		2.2
EPS		1,219

	YTD	1T	3T	6T
DLG	27.9%	-3.6%	-5.7%	-4.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,216	4,348	-3.0%
Tài sản ngắn hạn	1,850	1,514	22.3%
Tiền và tương đương tiền	29.1	95.0	-69.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	282	0	
Phải thu ngắn hạn	1,433	1,304	9.9%
Hàng tồn kho	104	113	-7.8%
Tài sản ngắn hạn khác	2.01	1.81	11.2%
Tài sản dài hạn	2,366	2,835	-16.5%
Phải thu dài hạn	398	388	2.6%
Tài sản cố định	1,415	2,181	-35.1%
Bất động sản đầu tư	24.9	26.2	-4.8%
Tài sản dở dang	36.5	47.7	-23.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	377	7.09	5217%
Tài sản dài hạn khác	34.5	88.9	-61.2%
Lợi thế thương mại	79.4	96.5	-17.7%
Nợ phải trả	3,220	3,596	-10.5%
Nợ ngắn hạn	2,003	2,093	-4.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	707	865	-18.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	140	207	-32.1%
Nợ dài hạn	1,218	1,503	-19.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,154	1,433	-19.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	996	752	32.4%
Vốn chủ sở hữu	996	752	32.4%
Vốn điều lệ	2,993	2,993	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	217	153	162	173	211
Giá vốn hàng bán	157	75.2	85.7	84.6	134
Lợi nhuận gộp	60.3	78.0	76.3	87.9	76.9
Doanh thu HĐTC	20.3	41.6	12.7	53.8	195
Chi phí TC	48.9	59.0	66.2	56.2	71.8
Chi phí lãi vay	49.6	59.0	57.6	56.2	55.3
LN trong công ty LKLD	0.12	0.05	-0.20	0.09	0.11
Chi phí bán hàng	0.96	0.02	0.02	0.02	0.00
Chi phí QLDN	224	11.3	-18.1	-7.16	-62.6
LN thuần từ HĐKD	-193	49.3	40.7	92.8	263
Lợi nhuận khác	307	-5.63	-7.03	-2.75	-3.30
LN trước thuế	113	43.7	33.7	90.0	260
Lợi nhuận sau thuế	125	41.1	27.9	89.6	259
LNST của CĐ cty mẹ	111	28.4	16.8	74.8	245

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-125	99.9	86.1	-3.22	-520
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	409	33.1	-5.82	72.5	409
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-305	-92.2	-77.7	-37.4	-30.1
Tiền đầu kỳ	117	95.0	136	138	170
Lưu chuyển tiền thuần	-21.9	40.8	2.66	32.0	-141
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.09	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	4,651	136	138	170	29.1

(Nguồn: fireant.vn)